TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-ST
Ngày: 18 / 5 / 2021
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;

2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B (sau đây được viết tắt là Ngân hàng B); địa chỉ: Tòa nhà H, số A, đường N, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bình H, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ hiện trường; địa chỉ: số B (số cũ C), đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 222/2020/UQ-PCTT ngày 12/6/2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng B; Giấy ủy quyền số 601/2020/UQ-TTQL&THN ngày 29/12/2020 của Phó Giám đốc Trung tâm Q); có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, vào ngày 21/10/2015, Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh A (sau đây được viết tắt là Chi nhánh Ngân hàng) và ông Nguyễn Thanh T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 và giấy nhận nợ số 01/0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015. Theo đó, Ngân hàng cho ông T vay số tiền 150.00.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức thanh toán, trả vốn và lãi định kỳ vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu từ kỳ đầu tiên vào ngày 30/11/2015.

Sau khi vay, ông T trả nợ theo thỏa thuận đến trước ngày 14/12/2020 với số nợ vốn 132.625.000 đồng, nợ lãi 42.503.626 đồng. Sau đó, ông T không tiếp tục trả nợ cho đến lúc Ngân hàng khởi kiện.

Tính đến ngày 14/12/2020, ông T còn nợ Ngân hàng nợ gốc 17.375.000 đồng, nợ lãi trong hạn 6.463.041 đồng, nợ lãi quá hạn 3.228.958 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.081.018 đồng. Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu ông T trả nợ nhưng phía ông T không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 và giấy nhận nợ số 01/0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 với số tiền tạm tính đến hết ngày 14/12/2020 là 28.148.017 đồng; trong đó, dư nợ gốc 17.375.000 đồng, dư nợ lãi trong hạn 6.463.041 đồng, dư nợ lãi quá hạn 3.228.958 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 1.081.081 đồng; buộc ông T phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phí/phạt phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ký ngày 21/10/2015 kể từ ngày 15/12/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Sau khi Ngân hàng lập đơn khởi kiện, ông T có trả nợ vốn cho Ngân hàng 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 15/01/2021 rồi ngưng cho đến nay. Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ vốn 10.000.000 đồng và nợ lãi kèm theo theo thỏa thuận giữa các bên.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 giữa Chi nhánh Ngân hàng với ông Nguyễn Thanh T (bản photo); Giấy nhận nợ số 01/0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 với bên được cấp tín dụng là Nguyễn Thanh T (bản photo); Bảng kê tính lãi khách hàng Nguyễn Thanh T tính đến hết ngày 14/12/2020 (bản chính) và các giấy tờ khác có liên quan.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ vốn 10.000.000 đồng và nợ lãi kèm theo theo thỏa thuận giữa các bên; yêu cầu ông T trả cho Ngân hàng số nợ còn lại tạm tính đến hết ngày 18/5/2021 là 17.551.375 đồng; trong đó, nợ gốc 7.375.000 đồng, nợ lãi trong hạn 6.463.041 đồng, nợ lãi quá hạn 3.713.334 đồng và buộc ông T phải chịu toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 kể từ ngày 19/5/2021 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Đối với lãi phạt chậm trả lãi, Ngân hàng rút lại, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Việc xác lập hợp đồng tín dụng ngày 21/10/2015 giữa Ngân hàng B với ông T được tiến hành trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Sau khi vay, ông T trả được nợ gốc 132.625.000 đồng và tiền lãi 42.503.626 đồng rồi ngưng thanh toán. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, ông T tiếp tục trả nợ vốn 10.000.000 đồng.

Cho nên, việc Ngân hàng B khởi kiện ông T yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 18/5/2021 với tổng số tiền 17.551.375 đồng, gồm nợ gốc 7.375.000 đồng, tiền lãi trong hạn 6.463.041 đồng, tiền lãi quá hạn 3.713.334 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Đối với lãi phạt chậm trả lãi 1.081.018 đồng và số nợ vốn 10.000.000 đồng, Ngân hàng rút lại nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện bị rút theo các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B; buộc ông T trả cho Ngân hàng B nợ vốn 7.375.000 đồng, lãi trong hạn 6.463.041 đồng, lãi quá hạn 3.713.334 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc

từ ngày 19/5/2021 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ; đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng và 1.081.018 đồng đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả nợ vay. Ông T đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của Ngân hàng B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 giữa Ngân hàng B - Chi nhánh A với ông Nguyễn Thanh T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015, ông T được Ngân hàng B giải ngân số tiền 150.000.000 đồng thông qua giấy nhận nợ số 01/0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015. Sau khi vay, ông T có trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 30/3/2019 rồi ngưng không thanh toán tiếp và tính đến ngày 14/12/2020, đã trả được số nợ gốc 132.625.000 đồng và tiền lãi 42.503.626 đồng. Bên cạnh đó, sau khi Ngân hàng lập đơn khởi kiện, ông T có trả nợ vốn cho Ngân hàng 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 15/01/2021.

Cho nên, ông T còn nợ Ngân hàng B nợ vốn 7.375.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 18/5/2021 là 10.176.375 đồng, trong đó, tiền lãi trong hạn 6.463.041 đồng, tiền lãi quá hạn đối với số nợ gốc 3.713.334 đồng.

Đối với lãi phạt chậm trả lãi, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Ngân hàng B yêu cầu ông T trả khoản lãi này. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng B tự nguyện rút lại yêu cầu ông T trả lãi phạt chậm trả lãi và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nợ vốn 10.000.000 đồng cùng nợ lãi kèm theo theo thỏa thuận giữa các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả lãi phạt chậm trả lãi và nợ vốn 10.000.000 đồng cùng nợ lãi kèm theo theo thỏa thuận giữa các bên theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B; buộc ông T trả cho Ngân hàng B nợ vốn 7.375.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 18/5/2021 là 10.176.375 đồng, trong đó, tiền lãi trong hạn 6.463.041 đồng, tiền lãi quá hạn đối với số nợ gốc 3.713.334 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 kể từ ngày 19/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng B là 877.569 đồng.

Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí 703.000 đồng mà Ngân hàng B đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh T trả lãi phạt chậm trả lãi và nợ vốn 10.000.000 đồng cùng nợ lãi kèm theo.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc ông Nguyễn Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B nợ vốn và lãi của khoản vay như sau:

- Tiền lãi tính đến hết ngày 18/5/2021: *10.176.375 (mười triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi lăm) đồng*, trong đó, lãi trong hạn *6.463.041 (sáu triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi mốt) đồng*, tiền lãi quá hạn *3.713.334 (ba triệu, bảy trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi bốn) đồng*;

- Vốn gốc: *7.375.000 (bảy triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng* và tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0393/03215/CBCNV-HĐTD ngày 21/10/2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh A với ông Nguyễn Thanh T kể từ ngày 19/5/2021 cho đến khi thanh toán xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh T phải chịu *877.569 (tám trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm sáu mươi chín) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp *703.000 (bảy trăm lẻ ba nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0009403 ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình